



ABINOVIK

L-Arginin hydroclorid 250 mg

Thiamin hydroclorid (Vitamin B₁) 100 mg

Pyridoxin hydroclorid (Vitamin B₆) 20 mg

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

1. Thành phần công thức thuốc:

Mỗi viên nén bao phim chứa:

- Thành phần dược chất:

L-Arginin hydroclorid250, 00 mg

Thiamin hydroclorid (vitamin B₁)..... 100, 00 mg

Pyridoxin hydroclorid (vitamin B₆).....20, 00 mg

- Thành phần tá dược: Microcrystallin cellulose 101, Povidon K30, Aerosil (Colloidal silicon dioxyd), Polyplasdon XL-10, Magnesi stearate, Hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 606, Hydroxypropylmethyl cellulose (HPMC) 615, Titan dioxyd, Talc, Polyethylen glycol (PEG) 6000, Màu Tartrazin yellow lake, Màu Erythrosin lake.

2. Dạng bào chế: Viên nén bao phim: Viên nén tròn, hai mặt trơn, bao phim màu hồng, thành và cạnh viên lành lặn.

3. Chỉ định

ABINOVIK được chỉ định dùng điều trị hỗ trợ suy nhược chức năng gan.

4. Liều lượng và cách dùng

Liều dùng:

- Đối với người lớn và trẻ em >12 tuổi:

Liều 2 viên x 2-3 lần/ngày.

Thời gian điều trị: Không được sử dụng quá 4 tuần.

- Đối với trẻ em: Không dùng thuốc này cho trẻ em < 12 tuổi

Cách dùng: Dùng đường uống. Uống thuốc với một ít nước.

5. Chống chỉ định

Thuốc chống chỉ định trong các trường hợp sau:

- Dị ứng hay quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Nồng độ canxi trong máu hoặc nước tiểu cao bất thường.
- Lắng đọng canxi trong các mô.
- Sỏi thận.
- Không được dùng kết hợp với levodopa.



6. Cảnh báo và thận trọng

Thận trọng khi sử dụng:

- Trong trường hợp DOUBT (rối loạn nghi ngờ) hãy hỏi ý kiến bác sĩ hay dược sĩ.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Không có nghiên cứu nào gây quái thai nào ở động vật. Về mặt lâm sàng, cho đến nay không có tác dụng gây dị tật hoặc gây độc cho cơ thể. Tuy nhiên, việc theo dõi các thai kỳ tiếp xúc với thuốc này không đủ để loại trừ bất kỳ rủi ro nào. Vì vậy, như một biện pháp phòng ngừa, tốt nhất là không sử dụng thuốc này trong thời kỳ mang thai.

Trường hợp cho con bú, tránh dùng thuốc này.

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

9. Tương tác của thuốc với các thuốc khác và các loại tương tác khác

- Liên quan đến Pyridoxin hydroclorid (Vitamin B6):

Kết hợp chống chỉ định

+ *Levodopa*:

Ức chế hoạt động của levodopa khi sử dụng mà không có chất ức chế dopadecarboxylase ngoại vi.

Tránh dùng pyridoxine khi không có chất ức chế dopadecarboxylase.

- Sự kết hợp có các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng:

+ *Diphosphonat*

Nguy cơ giảm hấp thu diphosphonat qua đường tiêu hóa.

Uống thuốc này cách xa diphosphonat (hơn 2 giờ, nếu có thể).

- Các phối hợp cần xem xét

+ Thuốc lợi tiểu thiazide

Nguy cơ tăng calci huyết do giảm đào thải calci qua nước tiểu.

10. Tác dụng không mong muốn (ADR)

- Liên quan đến Pyridoxin hydroclorid (Vitamin B6):

Các biểu hiện thần kinh ngoại lệ và có thể hồi phục khi ngừng điều trị, sau khi điều trị liều cao và/hoặc các đợt điều trị vitamin B₆ kéo dài.

11. Quá liều và cách xử trí

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

12. Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: Thuốc chuyển hóa hỗ trợ tăng cường chức năng gan. Mã ATC: B05XB01.

13. Quy cách đóng gói:

Hộp 6 vi, 10 vi x 10 viên.

Chai 60 viên, 100 viên.

31097655

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHARMA U

T.P HỒ CHÍ MINH

14. Điều kiện bảo quản: Nơi khô thoáng, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

15. Hạn dùng của thuốc: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

16. Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: Tiêu chuẩn cơ sở.

Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN US PHARMA USA

Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ số điện thoại 028-37908860

